

AN NINH CON NGƯỜI: QUAN NIỆM CHÂU ÂU - VẤN ĐỀ CỦA ĐÔNG NAM Á

GS.TS. Bùi Huy Khoát
Viện Nghiên cứu Châu Âu

An ninh con người là chủ đề thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu quan hệ quốc tế và những người hoạt động thực tiễn ngay sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Tuy nhiên, các cuộc tranh luận chỉ thực sự bùng lên ở quy mô toàn cầu sau sự kiện 11/9 ở Mỹ và trên quy mô châu Á sau khủng hoảng tài chính-tiền tệ 1997. Đặc biệt, Liên minh Châu Âu (EU) đã chuẩn bị cho việc hình thành cả một học thuyết về an ninh con người để xây dựng chính sách chung mà nếu đưa vào thực hiện thực tế chắc chắn sẽ gây nhiều tranh cãi, đặc biệt với khu vực Châu Á-Đông Nam Á. Bài viết này muốn nhìn lại vấn đề an ninh con người từ khía cạnh lý thuyết, trong đó có “học thuyết” của EU, từ đó xem xét việc “xuất khẩu” sang châu Á cùng các vấn đề có thể nảy sinh.

1. Về khái niệm an ninh con người

Dù được thúc đẩy mạnh mẽ chỉ từ sau Chiến tranh Lạnh, nhưng an ninh con người không phải là vấn đề hoàn toàn mới mẻ nếu xét theo những nội dung mà khái niệm này mang tải cũng như từ khía cạnh chính sách.

Người được xác nhận “khai sinh” ra khái niệm này là nhà tâm lý học W.E. Blatz người Canada với công trình nghiên cứu lý thuyết về “an ninh cá nhân” (Individual security) được công bố trong thập niên 1960¹. Tuy nhiên khái niệm này trở nên hoàn chỉnh hơn và chính thức đi vào cuộc sống quan hệ quốc tế sau khi Chương trình Phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP) công bố Báo cáo Phát triển con người năm 1994 chi rõ: Quan niệm an ninh trong thời gian quá dài đã được giải thích theo nghĩa hẹp, dừng lại ở an ninh lãnh thổ trước sự xâm lược từ bên ngoài, ở việc bảo vệ lợi ích dân tộc trong chính sách đối ngoại và ở an ninh toàn cầu trước đe dọa hủy diệt hạt nhân-tức là nhấn vào khía cạnh quốc gia-dân tộc chứ không phải người dân, trong khi dân thường luôn tìm kiếm an ninh cho cuộc sống thường ngày của họ². Đến năm 2003, Ủy ban về An ninh con người của Liên hiệp quốc từ quan niệm của UNDP về an ninh trước các đe dọa bệnh tật, đói nghèo, thất nghiệp, tội phạm, xung

¹ Xem: W. E. Blatz, *Human Security: some reflections*. University of Toronto Press, 1966.

² UNDP. *Human Development Report 1994*. New York: United Nation, 1994.

đột xã hội, trấn áp chính trị và các nguy cơ về môi trường sống, đã mở rộng khái niệm đến cả việc bảo vệ những người là nạn nhân của xung đột bạo lực (dân di cư, tỵ nạn...) đến việc bảo vệ và cải thiện điều kiện sống để vượt đói nghèo, được chăm sóc y tế và được tiếp nhận kiến thức³. Thực ra những nội dung này cũng được bao hàm trong khái niệm “an ninh toàn diện” (comprehensive security) của ASEAN đưa ra từ giữa thập niên 1980 thời chiến tranh lạnh khi an ninh đã vượt quá an ninh quân sự (nhưng không loại trừ) để bao hàm thêm cả các khía cạnh chính trị, kinh tế và văn hóa⁴. Sau này, năm 1995 Hội đồng Hợp tác an ninh ở Châu Á - Thái Bình Dương cũng đã xác định: An ninh toàn diện là sự theo đuổi an ninh bền vững trong tất cả các lĩnh vực con người, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, quân sự, môi trường ở cả lĩnh vực đối nội lẫn đối ngoại và về cơ bản thông qua các công cụ hợp tác⁵.

Trở lại quan niệm chính thức của UNDP có thể thấy đây là một cách hiểu an ninh con người theo nghĩa rộng hàm ý về một tình trạng người dân không bị những đe dọa kinh niên như đói nghèo, bệnh tật, sự trấn áp (những thứ cần đầu tư phát triển trong dài hạn) và những tai nạn bất ngờ (đòi hỏi sự can

thiệp tức thời từ bên ngoài). Quan niệm này liệt kê 7 thành tố của an ninh con người là: (i) An ninh kinh tế-trước mối đe dọa nghèo khổ; (ii) An ninh lương thực-trước đe dọa đói kém; (iii) An ninh sức khỏe-trước đe dọa thương tích và bệnh tật; (iv) An ninh môi trường-trước đe dọa ô nhiễm, xuống cấp môi trường và cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên; (v) An ninh cá nhân-bảo vệ trước các hình thức bạo hành khác nhau, (vi) An ninh cộng đồng-bảo vệ sự toàn vẹn văn hóa và; (vii) An ninh chính trị-bảo vệ trước sự bị trấn áp chính trị. Cách hiểu theo nghĩa rộng này thường được sử dụng bởi Chương trình phát triển Liên hiệp quốc, Ủy ban An ninh con người của Liên hiệp quốc, Chính phủ Nhật Bản và trong giới hàn lâm.

Có một cách hiểu an ninh con người theo nghĩa hẹp thường được gọi là “cách tiếp cận Canada” (cũng được Chính phủ Na Uy sử dụng khi xây dựng mạng lưới an sinh xã hội) và một số học giả). Với lập luận, từ sau Chiến tranh Lạnh, các xung đột quân sự gia tăng nhưng diễn ra ở bên trong các quốc gia chứ không phải giữa các quốc gia và ngày càng có nhiều người bị chết bởi chính các chính phủ của mình chứ không phải bởi các quân đội nước ngoài xâm lược, nên quan niệm này lấy đe dọa bạo lực đối với con người là trung tâm. Vì vậy quan niệm này giới hạn an ninh con người ở tình trạng không có lo sợ gì về các đe dọa bạo lực với một phổ rất rộng từ mua bán ma túy, các loại mìn sát thương trên mặt đất, bắt hòa sắc tộc, buôn lậu vũ khí nhỏ, sự thất bại của nhà

³ Commission on Human Security. *Protecting and Empowering People*, 1 May 2003 (<http://www.humansecurity-chs.Org/finalreport/Outlines/outline.html>).

⁴ ASEAN 2020 Conference on “ASEAN: Human Security in the Twenty-First Century”, July 21-22, 2000, Bangkok. <http://aseansec.Org>.

⁵ CSCAP Memorandum No3: *The concepts of comprehensive and cooperative security* (<http://www.humansecuritycentre.org>).

nước v.v.v.. Cách hiểu theo nghĩa hẹp nhấn mạnh khả năng can thiệp tức thời hơn là đầu tư chiến lược dài hạn cho phát triển bền vững và an ninh⁶.

Từ nội hàm của khái niệm an ninh con người nói trên có thể thấy đây là khái niệm mà các thành tố của nó gắn bó chặt chẽ không thể tách rời nhau và là tiền đề của nhau. Không thể nói thành tố nào là quan trọng nhất để đẩy lui các thành tố khác xuống hàng thứ yếu. Chẳng hạn, dù an ninh lương thực là sự đảm bảo cái ăn, cái mặc như điều kiện sống đầu tiên của con người nên được coi là quan trọng hàng đầu, nhưng lịch sử kinh tế thế giới đã cho thấy, trong nhiều trường hợp an ninh chính trị không được đảm bảo thì một đất nước “ruộng trắng cánh cò bay” cũng không thể có an ninh lương thực v...v...

2. Quan niệm của Liên minh Châu Âu

Có lẽ Liên minh Châu Âu đang đi xa nhất trong nghiên cứu-triển khai chủ đề này với việc họp báo tại Barcelona, công bố báo cáo có tựa đề “Học thuyết An ninh con người cho châu Âu” (Human Security Doctrine for Europe) ngày 15/9/2004. Tại buổi họp báo EU khẳng định sự cần thiết xây dựng chính sách an ninh của mình theo học thuyết này⁷.

Các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách an ninh của Liên minh Châu Âu nhận định rằng sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, nhiều người trên thế giới sống trong

tình trạng mất an ninh do những nguyên nhân tự nhiên (động đất, dịch bệnh...), do hậu quả của các cuộc xung đột sản sinh ra các “hồ đen” làm nơi reo mồm tạo nguồn gốc cho mất an ninh bất rõ đâm chồi. Trước kia EU thấy rằng an ninh của cuộc sống con người ở bên ngoài lãnh thổ EU như vấn đề sắc tộc, vấn đề thuộc lĩnh vực nhân quyền hoặc phát triển hợp tác... dường như không có liên quan đến an ninh của EU. Nhưng giờ đây thực tế ngày càng cho thấy tình trạng mất an ninh và các xung đột như thế đã tác động trực tiếp đến an ninh của công dân EU: chẳng hạn bọn tội phạm ở miền nam Caucasus và Balkan vận chuyển lậu ma túy và vũ khí sang EU, tổ chức buôn người và di dân bất hợp pháp vào EU hoặc các cuộc chiến tranh ở châu Phi đang phá hỏng nỗ lực của EU giúp đỡ châu lục này chống đói nghèo và bệnh tật v.v.v.. Sự kiện khủng bố 11/9/2001 ở Mỹ và 11/3/2004 ở Tây Ban Nha cho thấy nguồn gốc của mất an ninh không còn như trước kia chủ yếu đến từ sự tấn công vũ trang, xâm nhập lãnh thổ của kẻ thù ngoại quốc, còn người dân thường thì giờ đây không ai có thể cảm thấy an toàn dù ẩn nấp bên trong lãnh thổ hòa bình của mình.

Xây dựng Chiến lược an ninh Châu Âu (được EC thông qua tháng 12/2003) và tạo dựng Học thuyết An ninh con người (công bố tháng 9/2004), Liên minh Châu Âu xác định đang đứng trước 5 mối đe dọa chính: (i) Chủ nghĩa khủng bố; (ii) Việc phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; (iii) Các cuộc xung đột khu vực; (iv) Các nhà nước suy yếu

⁶ <http://www.humansecuritycentre.org>.

⁷ <http://www.europa.eu.int/en/comm>.

không làm trọn nhiệm vụ và; (v) Tội phạm có tổ chức. Những đe dọa này gắn kết với nhau tạo ra những tình huống mất an ninh nghiêm trọng và đe dọa toàn cầu chứ không chỉ EU. Các nhà hoạch định chính sách cũng nhấn mạnh rằng trong các đe dọa mới đó không có đe dọa nào thuần túy là quân sự và cũng không có đe dọa nào có thể giải quyết được thuần túy bằng biện pháp quân sự. Ngay các cuộc chiến tranh ở châu Phi hay Balkan... do sự sụp đổ của nhà nước cũng không giống các cuộc chiến tranh quốc tế hoặc nội chiến trước kia. Đặc điểm điển hình của các cuộc chiến này là dân chúng phải rời khỏi nơi cư trú cả do chủ tâm thanh lọc sắc tộc lẫn do khổ khăn trong phân biệt dân chúng với những người tham gia chiến đấu... Từ việc nhìn nhận thực chất các cuộc chiến tranh này người ta có thể thấy, xét theo nội dung chính trị-quân sự thì không còn chiến tranh theo đúng nghĩa của nó là chiến tranh giữa các quốc gia (state-to-state war) vì sự toàn vẹn và tồn vong của đất nước mà đó là nội chiến-cuộc chiến tranh giữa dân chúng vì lợi ích chính trị khác nhau của các phe phái bên trong đất nước (civil war). Chính vì thế các nhà lập chính sách an ninh EU cho rằng trong bối cảnh đó không thể sử dụng chính sách an ninh truyền thống dựa trên cơ sở bảo vệ các đường biên giới quốc gia và ngăn chặn các đe dọa theo quan niệm hẹp về lợi ích quốc gia. Chính sách an ninh của EU phải xây dựng trên cơ sở an ninh con người chứ không chỉ an ninh quốc gia.

Xác định mình là thực thể thúc đẩy các chuẩn mực quốc tế, một cực thu hút các quan hệ hợp tác đa phương chứ không phải là một siêu cường đe dọa các nước khác, Liên minh Châu Âu khẳng định trách nhiệm đóng góp tạo dựng một thế giới an toàn hơn và công bằng hơn. Học thuyết An ninh con người của EU được công bố gồm 3 thành tố cơ bản:⁸

Thành tố thứ nhất là một bộ 7 nguyên tắc cho các hoạt động trong tình huống mất an ninh nghiêm trọng:

(1) Quyền con người (trước hết là các quyền được sống, được có chỗ ở, được tự do bộc lộ quan điểm v.v..) cần được tôn trọng và bảo vệ ngay cả trong khi đang diễn ra xung đột.

(2) Quyền lực chính trị rõ ràng cho phái đoàn quốc tế được đưa đến nơi xảy ra mất an ninh nghiêm trọng.

(3) Chủ nghĩa đa phương với 3 khía cạnh cơ bản: cam kết hoạt động với các thiết chế quốc tế (LHQ, OSCE, NATO...); cam kết những cách thức làm việc chung, các nguyên tắc chung và cam kết phối hợp chứ không phải là cạnh tranh.

(4) Cách tiếp cận từ dưới lên như một phương pháp nghiên cứu tại chỗ (on-the-job learning) cần được thực hiện xuyên suốt vì sự bén rễ quá sâu của cách tiếp cận từ trên xuống trong các thiết chế quốc tế. Đó cũng là cách làm để tăng an ninh cho các cá nhân con người ở khắp mọi nơi.

⁸ [http:// www.humansecuritycentre.org](http://www.humansecuritycentre.org)

(5) Sự tập trung khu vực với hàm ý các cuộc chiến tranh-xung đột bây giờ không có đường biên rõ ràng và phần lớn lan tỏa ra ở cấp khu vực, cho nên nếu chỉ tập trung chú ý vào địa bàn quốc gia sẽ dễ bỏ qua việc ngăn chặn sự lan tỏa bạo lực.

(6) Sử dụng các công cụ pháp luật trong đó tiếp tục áp dụng luật địa phương nhưng có sự pha trộn hỗn hợp với luật quốc tế.

(7) Sử dụng thích hợp sức mạnh ở mức tối thiểu nằm trong sự liên kết thích hợp năng lực dân sự-quân sự cho việc thực hiện các hoạt động bảo vệ an ninh con người.

Thành tố thứ hai là một lực lượng ứng phó bảo vệ an ninh con người với 15 nghìn biên chế trong đó 1/3 là dân sự. Về thành tố này, EU xác nhận đang phát triển nhanh năng lực quân sự-chiến lược của riêng mình với các nhóm tác chiến và các lực lượng can thiệp trên cơ sở những kinh nghiệm đã tích lũy được từ quản lý khủng hoảng ở ngoài EU v.v..

Thành tố thứ ba là một khung khổ luật pháp mới điều chỉnh cả việc quyết định can thiệp lẫn các hoạt động trên mặt đất. Để thực hiện chính sách an ninh dựa trên các nguyên tắc kể trên không thể không xây dựng khung pháp lý-thể chế tạo cơ sở cho cách tiếp cận bắt buộc theo luật pháp đối với các hoạt động can thiệp.

Mặc dù có những ý kiến phê phán quan niệm an ninh con người như vậy quá rộng, bao hàm từ ngăn chặn xung đột, quản lý khủng hoảng đến phối hợp dân sự-quân sự

v.v.. làm cho học thuyết trở nên mơ hồ, nhưng từ đây có thể thấy nổi lên rõ ràng cách tiếp cận bảo vệ mỗi cá thể con người chứ không chỉ tập trung vào việc bảo vệ biên giới EU theo cách tiếp cận kiểu cũ-an ninh quốc gia-dân tộc. Có thể tóm lại cách tiếp cận an ninh con người của EU là ở chỗ: những người châu Âu không thể có an ninh trong khi những người khác trên thế giới sống trong tình cảnh mất an ninh nghiêm trọng, do vậy EU phải can dự vào an ninh con người vì các lý do đạo đức, pháp lý và cả vì những lợi ích của chính mình.

3. Vấn đề đặt ra trước khu vực Đông Nam Á

An ninh con người theo quan niệm UNDP hay học thuyết EU khi lan tỏa vào Đông Nam Á đều vấp phải rào cản các vấn đề của khu vực này dễ bị bác bỏ như một mô hình phương Tây, theo đuổi lợi ích phương Tây.

Khó có thể lấy quan niệm an ninh con người theo cách tiếp cận xem con người làm trung tâm thay cho cách tiếp cận truyền thống của khu vực lấy nhà nước làm trung tâm bởi với khu vực này quan niệm truyền thống về an ninh gắn với quốc gia-dân tộc bám rễ rất sâu do giá trị thiêng liêng của độc lập chủ quyền mà các nước đã phải đổ xương máu mới giành được sau cả một thời kỳ thuộc địa kéo dài. Rào cản này lại được củng cố thêm bằng sự nổi lên của “giá trị châu Á” được làm bộc lộ và khơi dậy ở các thập niên tạo “thần kỳ” trong phát triển kinh tế. Các giá trị được biết đến như sự gắn bó với gia

đình như một thiết chế, sự tôn trọng lợi ích xã hội, tính tiết kiệm tần tiện, sự tôn trọng quyền lực, giá trị của đồng thuận trong giải quyết các bất đồng, tầm quan trọng của giáo dục quốc dân v.v.. là những giá trị được xem là đối lập với những gì đang diễn ra ở phương Tây: sự phát triển chủ nghĩa tư bản và tự do dân chủ đã phá vỡ gia đình, gây ra tệ nạn ma túy, sự gia tăng bạo lực và tiến trình làm mục ruỗng xã hội...

Trong bối cảnh đó quan niệm an ninh con người ít có cơ hội xâm nhập vào khu vực Đông Nam Á: Cách tiếp cận chính trị của Canada xem an ninh con người như “an ninh của nhân dân” với việc coi trọng tổn thất nhân mạng của xung đột bạo lực đã bị bác bỏ như một mô hình phương Tây thuần túy. Ngay cả cách tiếp cận phát triển của Nhật Bản, gắn với quan niệm của UNDP, dễ được chấp nhận hơn vì nhấn mạnh đến an ninh kinh tế và ủng hộ các dự án ở nước ngoài (ODA), cũng không được ưa chuộng nhiều vì người ta xem đó là mô hình của nước phát triển.

Tuy nhiên, những thay đổi quan trọng diễn ra trên chính trường quốc tế khi bước vào thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh với những biến động làm đảo lộn trật tự thế giới cuối cùng cũng tác động đến Châu Á-Đông Nam Á. Những biến động tình hình diễn ra trong châu lục đã tạo ra cảm nhận ở các quốc gia về sự ít lo ngại xâm lược từ bên ngoài hơn là “kẻ thù bên trong”. Trước hết, đó là các phong trào ly khai và dân chủ làm nảy sinh việc trấn áp chính trị, làm cho việc dành ưu

tiên cho duy trì quyền lực chính trị hơn là cho an ninh và phúc lợi cho người dân (như tình hình ở Philippin thời Tổng thống Marcos, Indonesia thời Tổng thống Suharto, rồi tình trạng ở Mianma dưới thời chính phủ quân sự v.v). Ngoài ra là những đe dọa giống như ở các khu vực khác trên thế giới: chủ nghĩa sắc tộc-tôn giáo, quan hệ giữa quyền lực thế tục và thuyết chính thống tôn giáo, sinh mạng con người và nạn đói cùng với dịch bệnh, sự cạn kiệt dần các nguồn tài nguyên thiên nhiên v.v..

Đối với khu vực Đông Nam Á, phải đặc biệt chú ý đến những hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ cuối thập niên 1990. Nhìn ở bề nổi, khủng hoảng đã tạo ra và làm lan toả ấn tượng về sự mất an ninh của các nước trong khu vực trên diện rộng: từ chính trị-kinh tế đến văn hóa-xã hội với tình cảnh dân chúng trở nên nghèo khổ hơn do giảm thu nhập thực tế, mất ổn định từ di cư, thiếu hụt lương thực-thực phẩm, suy giảm sức khoẻ, tội phạm gia tăng, giáo dục sa sút và dân chúng mất niềm tin vào các hệ thống chính trị hiện hành... Ở tầm sâu hơn khủng hoảng đã làm giảm sức hấp dẫn của các giá trị châu Á khi người ta nhận thấy sự lạm dụng khá phổ biến ở các nước trong khu vực: giá trị gia đình đã bị biến thành chủ nghĩa gia đình và gia đình trị; tình thân hữu con người biến thành “chủ nghĩa bè bạn” trong sự cấu kết chính trị-kinh doanh mờ ám; sự đồng thuận dường như tạo cơ sở cho tham nhũng phát triển; còn việc tôn trọng quyền lực bị làm cho sơ cứng, kìm hãm khả năng

đôi mới... Tóm lại, sau khủng hoảng, các thành quả của hàng thập niên phát triển đã bị xói mòn, nguy cơ người dân rơi vào đói nghèo tăng lên, chính trị mất ổn định kéo dài, quan hệ giữa các quốc gia thêm phức tạp do vấn đề tỵ nạn và di dân bất hợp pháp gây ra v.v.. Tất cả những đe dọa này đã vượt quá khả năng giải quyết của nhà nước theo cách tiếp cận an ninh truyền thống trong khi mạng lưới an sinh xã hội cho người nghèo (trong một thời gian dài không được chú trọng ở thời kỳ say sưa với những thành tựu của thập niên tăng trưởng kinh tế “thần kỳ”) gần như tan rã.

Tuy nhiên nếu chỉ nhìn vào “vùng bao phủ” của quan niệm an ninh con người phương Tây thì dường như đây chỉ là sự phục hồi quan niệm “an ninh toàn diện” của ASEAN ra đời từ thời đỉnh điểm của Chiến tranh Lạnh. Từ giữa thập niên 1960, Indonesia thời Tổng thống Suharto, đã xem an ninh toàn diện bao hàm đủ các khía cạnh chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội và quân sự cả trong môi trường đối nội cũng như đối ngoại. Hoặc ở Malaysia năm 1986, Thủ tướng Mahathir Mohamed từng tuyên bố an ninh quốc gia không thể tách rời ổn định chính trị, thành tựu kinh tế và hài hòa xã hội. Các quốc gia thành viên ASEAN khác cũng đề cập đến các quan niệm an ninh toàn diện tương tự. Trước các đe dọa chung là chủ nghĩa cộng sản, xung đột chủng tộc, suy thoái kinh tế v.v.. điểm chung trong quan niệm an ninh toàn diện của các nước ASEAN lúc này là sự vượt quá an ninh quân

sự (nhưng không loại trừ) để bao hàm cả các chiều kích chính trị, kinh tế và văn hóa-xã hội. Tuy nhiên do tầm quan trọng của sự ổn định chế độ và phát triển kinh tế (được xem là công cụ chủ yếu mang lại ổn định) nên quan niệm an ninh này vẫn lấy nhà nước làm trung tâm trong vai trò tác nhân chính xác định và cung ứng an ninh. Chỉ sau khủng hoảng 1997 ở khu vực châu Á nói chung, Đông Nam Á nói riêng, người ta mới đặt ra vấn đề xem xét lại bản chất của tư duy an ninh này và đối chiếu với thực tiễn để thấy tính tất yếu của việc xúc tiến an ninh con người theo cách tiếp cận mới đối với khu vực.

Trong bối cảnh đó, cách tiếp cận của Thái Lan với vị thế một nước đang phát triển mang các yếu tố văn hóa truyền thống châu Á từng được xem là mô hình có độ tin cậy nhất định vì sự dung hòa các chiều kích chính trị và kinh tế trong an ninh con người. Đây là thời kỳ Thái Lan với chính phủ của Thủ tướng Chuan Leekpai (trước 2002) có cách tiếp cận xuất phát từ nhìn nhận rằng lâu nay xu hướng chung là các nguồn lực quốc gia cũng như các nguồn lực khác luôn bị khan hiếm thường được phân bổ cho an ninh chế độ, lấn vào phần của an ninh con người, nên an ninh quốc gia không đủ đảm bảo an ninh con người. Trong khi đó tiến trình toàn cầu hóa làm các hệ thống kinh tế thế giới chao đảo và các cú shock có thể làm mở rộng khủng hoảng trong nội bộ quốc gia và trong các khu vực trên thế giới gây tác động nghiêm trọng đến an ninh của người dân. Trong bối cảnh như vậy quan niệm an ninh

con người được tiếp nhận vì nó bao hàm các vấn đề rộng lớn từ nhân quyền, sự nghèo khổ và dịch bệnh, vấn đề giới và thành kiến xã hội cho đến suy thoái môi trường, tội phạm và chủ nghĩa khủng bố v.v.. Theo quan điểm của Thái Lan, các nước Đông Nam Á có thể có những ưu tiên khác nhau trong một phổ rộng các vấn đề này nhưng có thể và cần có các chính sách và chiến lược chung cho các vấn đề then chốt như giảm nghèo, việc làm, bình đẳng và các cơ hội kinh tế-xã hội cho người dân, nguồn nhân lực và các nguồn tài nguyên thiên nhiên cho phát triển bền vững. An ninh con người như vậy được khởi động trước hết từ nhu cầu của con người và không hề có sự đối nghịch với các quyền của cá nhân được bảo vệ thông qua hệ thống chính trị khơi dậy được nhân quyền và dân chủ. Trong điều kiện Thái Lan, an ninh con người cần ổn định chính trị và gắn kết với tăng trưởng và phát triển kinh tế, tức là có thể đạt được an ninh con người thông qua củng cố dân chủ và dung hòa cả khía cạnh nhu cầu của con người và nhân quyền để chúng bổ sung nhau. Trong hoàn cảnh khủng hoảng cần ưu tiên cho an ninh quốc gia rồi từ đó sẽ dẫn đến an ninh con người⁹.

Mặc dù vậy, nhìn chung ASEAN chưa có sự thống nhất quan điểm về an ninh con người và dường như đang nhìn vào quan niệm này của phương Tây bằng con mắt đầy nghi ngờ với hàng loạt vấn đề khó tìm được cách giải. Khá phổ biến là mối lo ngại đây chỉ là một phương thức khác của việc phương Tây áp đặt các giá trị tự do và các

thiết chế chính trị của họ lên khu vực, còn các công cụ chính sách của an ninh con người họ nêu ra giống như “con ngựa thành Troia” cho việc can thiệp vào công việc nội bộ quốc gia. Vấn đề quan trọng nhất của ASEAN là quan niệm nghiêm ngặt về chủ quyền quốc gia đã ăn sâu bén rễ ở khu vực với việc nhấn mạnh nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ. Chính vì thế, dù nội hàm của quan niệm an ninh con người có thể được tiếp nhận ở các mức độ từ hẹp đến rộng, nhưng các công cụ, đặc biệt là “can thiệp” dù là “nhân đạo” khó có thể tìm được sự ủng hộ. Dường như ASEAN muốn giải quyết vấn đề theo một hướng khác: nếu an ninh con người là sự bảo đảm an toàn cho các cá nhân thì điều này như thực tế cho thấy chỉ có thể được thực hiện tốt nhất thông qua an ninh của quốc gia. Từ trước đến giờ, ở khu vực Đông Nam Á, nhà nước đã bảo vệ cá nhân trước những đe dọa đến cả từ bên trong lẫn từ xâm lược bên ngoài, cho nên các công dân về cơ bản đã tự nguyện trao các quyền tự do cá nhân của mình cho nhà nước “cai quản” vì đây là lực lượng bảo vệ có hiệu lực đối với an ninh con người họ. Hiểu an ninh con người theo cách tiếp cận phương Tây được xem là quá mở rộng và do đó khá mơ hồ, gây khó cho việc nghiên cứu và hoạch định các chính sách thích hợp. Chấp nhận tuyệt đối quan niệm này tức là chấp nhận sự can thiệp từ bên ngoài, dù là “can thiệp nhân đạo”, xâm phạm đến chủ quyền quốc gia-giải pháp không có hiệu quả như đã được chứng minh từ thực tiễn quan hệ quốc tế đương đại./

⁹ [http:// www.humansecurity-chs.org/](http://www.humansecurity-chs.org/)